

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HỒ CHÍ MINH  
KHOA KINH TẾ & LUẬT**

Tiến sỹ Nguyễn Văn Sơn

**KINH TẾ QUỐC TẾ  
NÂNG CAO**

**Tp.Hồ Chí Minh – Tháng 05 năm 2011**

**Bổ cục**

1. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.
2. Lợi thế so sánh trong quan hệ kinh tế đa phương.
3. Cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.
4. Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu.
5. Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực.
6. Khủng hoảng kinh tế và chủ nghĩa bảo hộ mới.
7. Cải cách kinh tế và phát triển bền vững.

## **Kinh tế quốc tế nâng cao**

### **Chương 1**

# **Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa**

## **Mục tiêu nghiên cứu**

1. Làm rõ tính chất phát triển phức tạp của các mối quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.
2. Hiểu được xu hướng phát triển của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế trong thời đại mới một cách có hệ thống.

## **Nội dung cơ bản**

1. Tính hai mặt của môi trường kinh tế quốc tế trong thời đại mới.
2. Dòng chảy của nguồn lực kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.
3. Các xu hướng chủ đạo của quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay.

5

## **1. Tính hai mặt của môi trường kinh tế quốc tế trong thời đại mới**

- (1) Môi trường kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.
- (2) Đặc điểm cơ bản của môi trường kinh tế quốc tế ngày nay.
- (3) Tính hai mặt của môi trường kinh tế quốc tế trong thời đại mới.

6

## ***Môi trường kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa***

### **□ Biểu hiện căn bản:**

- Không gian kết nối quan hệ giữa các chủ thể kinh tế được mở rộng khắp toàn cầu.
- Thời gian giao dịch rất nhanh chóng.
- Quan hệ giao dịch diễn ra liên tục.

...bất chấp sự khác biệt về vị trí địa lý và múi giờ giữa các nền kinh tế.

7

## ***Môi trường kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa***

### **□ Tính chất phát triển vô cùng phức tạp:**

- Phân công lao động quốc tế rất sâu rộng.
- Vai trò của các nền kinh tế bình đẳng hơn.
- Quan hệ kinh tế chòng chéo phức tạp: hợp tác rất chặt chẽ và cạnh tranh rất quyết liệt.
- Tác động ngoại lai vào các quan hệ kinh tế cũng ngày càng lớn và mạnh mẽ hơn...

8

## ***Đặc điểm cơ bản của môi trường kinh tế quốc tế ngày nay***

- ❑ Môi trường thương mại: (1)
  - Chính sách tự do hóa thương mại ngày càng thẳng thắn.
  - Nhưng chính sách bảo hộ mậu dịch vẫn tồn tại song hành và biến tướng tinh vi hơn.
  - Tính miễn cảm cao, thương mại tương tác mạnh với các quan hệ tài chính và đầu tư.

9

## ***Đặc điểm cơ bản của môi trường kinh tế quốc tế ngày nay***

- ❑ Môi trường sản xuất:
  - Công nghệ hiện đại phát triển rất mạnh mẽ, tính hiệu quả được nâng cao không ngừng.
  - Xuất hiện nhiều ngành nghề mới, chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng ngắn lại.
  - Liên kết sản xuất phổ biến cả trên phạm vi khu vực và toàn cầu.

10

## **Đặc điểm cơ bản của môi trường kinh tế quốc tế ngày nay**

- Môi trường tài chính: (2)
  - Thị trường tài chính rộng lớn, nguồn lực dồi dào, phương thức giao dịch rất tiện lợi.
  - Các định chế tài chính quốc tế đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn.
  - Tồn tại các “mạch ngầm” rất lớn trong thị trường tài chính toàn cầu.

11

## **Tính hai mặt của môi trường kinh tế quốc tế trong thời đại mới**

- Mặt tích cực: (3)
  - Môi trường kinh tế quốc tế đã tạo ra những điều kiện phát triển vô cùng thuận lợi.
  - Cơ hội phát triển được phân bổ tương đối đồng đều giữa các nền kinh tế.
  - Cơ chế kiểm soát tốt hơn, giúp giảm thiểu sự bất bình đẳng giữa các quốc gia.

12

## **Tính hai mặt của môi trường kinh tế quốc tế trong thời đại mới**

### ❑ Mặt tiêu cực: (4)

- Môi trường bất ổn, khủng hoảng tài chính – tiền tệ và khủng hoảng kinh tế liên tục.
- Vẫn tồn tại tình trạng phân biệt đối xử, các nước nghèo vẫn chịu nhiều thiệt hại hơn.
- Lừa đảo, gian lận thương mại tinh vi hơn.
- Hệ lụy toàn cầu: tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu...

13

## **2. Dòng chảy nguồn lực kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa**

- (1) Nguồn lực kinh tế quốc tế trong thời đại ngày nay.
- (2) Quy luật di chuyển nguồn lực kinh tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.
- (3) Đặc điểm của dòng chảy nguồn lực kinh tế quốc tế hiện nay.

14

## ***Nguồn lực kinh tế quốc tế trong thời đại ngày nay***

### **□ Những nguồn lực cơ bản:**

- Lao động: lực lượng dồi dào, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng lên liên tục.
- Vốn: qui mô lớn, tăng trưởng nhanh, hình thái tồn tại đa dạng.
- Công nghệ: rất hiện đại, phát triển vô cùng nhanh chóng, tự động hóa ngày càng cao.

15

## ***Nguồn lực kinh tế quốc tế trong thời đại ngày nay***

### **□ Nguồn lực đặc biệt: (5)**

- Thiết bị kỹ thuật số và công nghệ thông tin phát triển từng ngày, từng giờ.
- Internet tạo điều kiện trao đổi thông tin toàn cầu vô cùng nhanh chóng và sâu rộng.  
...đã làm thay đổi toàn bộ diện mạo của nền kinh tế thế giới và sẽ còn tiếp diễn mãi...

16



## ***Quy luật di chuyển nguồn lực kinh tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa***

### **□ Hướng di chuyển lao động:**

- Cơ bản là lao động đi từ nước có giá nhân công thấp đến nước có giá nhân công cao.
- Các nước công nghiệp phát triển có sức hút mạnh mẽ đối với lao động kỹ thuật cao.
- Nhưng từ đầu thế kỷ XXI lao động kỹ thuật cao cũng đã di chuyển đến các nước đang phát triển ngày càng nhiều hơn.

17

## ***Quy luật di chuyển nguồn lực kinh tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa***

### **□ Hướng di chuyển vốn:**

- Các nước công nghiệp phát triển đầu tư ra bên ngoài nhiều hơn thu hút vốn vào.
- Các trường hợp đặc biệt: Hoa Kỳ đầu tư ra rất lớn, nhưng có những năm thu hút vốn vào vẫn nhiều hơn đầu tư ra; Riêng Nhật Bản chủ trương đẩy mạnh đầu tư ra ngoài nhưng lại rất hạn chế thu hút vốn vào.

18

## **Quy luật di chuyển nguồn lực kinh tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa**

### **☐ Hướng di chuyển vốn: (6)**

- Các nước đang phát triển thu hút vốn vào nhiều hơn đầu tư ra bên ngoài.
- Hiện tượng nổi bật: các nước đang phát triển khu vực Đông Á thu hút phần lớn vốn đầu tư quốc tế vào nhóm này và cũng đã trở thành nơi có nguồn cung vốn đầu tư quốc tế ngày càng quan trọng hơn.

19

## **Quy luật di chuyển nguồn lực kinh tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa**

### **☐ Tác động của sự di chuyển nguồn lực kinh tế theo qui luật trên:**

- Bổ sung lao động và công nghệ nguồn cốt lõi cho các nước công nghiệp phát triển.
- Bổ sung vốn, công nghệ hiện đại, phương pháp quản lý tiên tiến và lao động kỹ thuật cao cho các nước đang phát triển ngày càng nhiều hơn.

20

## **Quy luật di chuyển nguồn lực kinh tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa**

- ❑ Tác động của sự di chuyển nguồn lực kinh tế theo quy luật trên:
  - Phân bố sản xuất toàn cầu hợp lý hơn, chi phí sản xuất kinh doanh giảm tích cực.
  - Qui mô giao dịch thương mại, tài chính và đầu tư quốc tế tăng lên nhanh chóng.
  - Vị thế cạnh tranh của các nước đang phát triển cũng không ngừng được nâng cao.

21

## **Đặc điểm của dòng chảy nguồn lực kinh tế quốc tế hiện nay**

- ❑ Qui mô và tốc độ di chuyển của dòng chảy ngày càng lớn và nhanh hơn, do:
  - Động lực vô cùng mạnh mẽ của các công ty đa quốc gia.
  - Sự phối hợp, điều tiết hợp lý của các định chế hợp tác quốc tế về kinh tế và kỹ thuật.
  - Có sự bổ sung quan trọng của dòng vốn ODA (song phương và đa phương).

22

## ***Đặc điểm của dòng chảy nguồn lực kinh tế quốc tế hiện nay***

- Chất lượng của nguồn lực đầu tư được chuyển giao ngày càng tốt hơn, do:
  - Chính sách thu hút đầu tư quốc tế của các nước ngày càng chú trọng kiểm soát chất lượng để đảm bảo phát triển bền vững.
  - Sự trợ giúp kỹ thuật của các định chế hợp tác quốc tế giúp các nước đang phát triển kiểm soát thu hút đầu tư kiến hiệu hơn.

23

## ***Đặc điểm của dòng chảy nguồn lực kinh tế quốc tế hiện nay***

- Hướng di chuyển của dòng chảy có sự thay đổi căn bản từ Tây sang Đông:
  - Điểm đến của dòng chảy nguồn lực đầu tư quốc tế đã và đang tập trung vào khu vực lòng chảo Châu Á – Thái Bình Dương.
  - Các nước Đông Âu (đang chuyển đổi theo cơ chế kinh tế thị trường) cũng đã trở thành khu vực thu hút đầu tư quốc tế mạnh mẽ.

24

### 3. Các xu hướng chủ đạo của quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay

- (1) Nền tảng của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay.
- (2) Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại.
- (3) Yêu cầu khách quan phải mở rộng mục tiêu hợp tác quốc tế.

25

### Nền tảng của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay

- Kinh tế thế giới phát triển nhanh chóng:
  - Quy mô nền kinh tế thế giới tăng gấp 3 lần chỉ sau 1/5 thế kỷ gần đây. (7)
  - Tương quan kinh tế trở nên cân bằng hơn giữa 3 khu vực Tây Âu – Bắc Mỹ – Đông Á.
  - Các nền kinh tế “mới nổi” cũng góp phần làm thay đổi trật tự kinh tế thế giới.

26

## ***Nền tảng của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay***

- ❑ Thách thức từ các tác động phi kinh tế:
  - Phân hóa giàu nghèo tăng lên nhanh.
  - Tồn tại những bất đồng về xử lý bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
  - Mâu thuẫn trong quan điểm điều hòa lợi ích giữa hai nhóm nước giàu và nghèo.
  - Đối phó với dịch bệnh, khủng bố, chiến tranh cục bộ và kiểm soát vũ khí hạt nhân...

27

## ***Nền tảng của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay***

- ❑ Các mục tiêu thiên niên kỷ của LHQuốc:
  - (1) Xóa bỏ tình trạng nghèo khổ và thiếu đói.
  - (2) Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học.
  - (3) Tăng cường bình đẳng giới, nâng cao năng lực và vị thế của phụ nữ.
  - (4) Giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em.
  - (5) Nâng cao sức khỏe của các bà mẹ.

28

## **Nền tảng của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay**

### **□ Các mục tiêu thiên niên kỷ của LHQuốc:**

- (6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh tật khác.
- (7) Đảm bảo bền vững về môi trường.
- (8) Thiết lập mối quan hệ đối tác toàn cầu vì mục đích phát triển.

Tại hội nghị thượng đỉnh 2000 có 189 nước đồng thuận đạt các mục tiêu trên vào 2015.

29

## **Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại**

### **□ Đa dạng hóa hợp tác song phương:**

- Hiệp định thương mại song phương (*Bilateral Trade Agreement – BTA*).
- Hiệp định đầu tư song phương (*Bilateral Investment Treaties – BITs*).
- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*Bilateral Treaties for the Avoidance of Double Taxation – DTTs*)

30

## **Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại**

- ❑ Đa dạng hóa hợp tác song phương:
  - Hiệp định đối tác kinh tế (*Economic Partnership Agreement – EPA*).
  - Hiệp định đối tác và hợp tác (*Partnership and Cooperation Agreement – PCA*).
  - Hiệp định đối tác công – tư (*Public-Private Partnership Agreement – PPPA*).

31

## **Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại**

- ❑ Tăng cường hợp tác khu vực:
  - Hiệp định thương mại khu vực (*Regional Trading Agreements*).
  - Hiệp định thương mại tự do (*Free Trade Agreement*); hoặc Khu mậu dịch tự do (*Free Trade Area*).
  - Liên minh thuế quan (*Customs Union*).

32



## **Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại**

### **☐ Tăng cường hợp tác khu vực:**

- Liên minh kinh tế và tiền tệ (*Economic and Monetary Union*).
- Cộng đồng kinh tế khu vực (*Regional Economic Community*).
- Cộng đồng khu vực (*Regional Community*).
- Liên minh khu vực (*Regional Union*).

33

*(Xem chi tiết ở chương 5)*

## **Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại**

### **☐ Đẩy mạnh hợp tác đa phương toàn cầu:**

- Hệ thống GATT/WTO – với vai trò rất to lớn của Tổ chức thương mại thế giới hiện nay.
- Hệ thống Bretton Woods:
  - Quỹ tiền tệ quốc tế (*International Monetary Fund – IMF*).
  - Ngân hàng thế giới (*World Bank Group*).

34

## **Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại**

### **☐ Đẩy mạnh hợp tác đa phương toàn cầu:**

- Hệ thống Liên Hiệp Quốc:

Hội nghị thương mại & phát triển - UNCTAD.

Tổ chức lương thực và nông nghiệp – FAO.

Tổ chức phát triển công nghiệp – UNIDO.

Chương trình phát triển – UNDP.

Chương trình môi trường – UNEP...

35

*(xem chi tiết ở chương 4)*

## **Yêu cầu khách quan phải mở rộng mục tiêu hợp tác quốc tế**

### **☐ Phạm vi mở rộng mục tiêu hợp tác:**

- Từ lĩnh vực kinh tế: tự do hóa thương mại, tự do hóa tài chính và đầu tư; liên minh kinh tế; cộng đồng kinh tế.

- Tiến đến các cộng đồng hợp tác đa mục tiêu, bao gồm nhiều lĩnh vực phi kinh tế: an ninh chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo, khoa học kỹ thuật, môi trường...

36

## ***Yêu cầu khách quan phải mở rộng mục tiêu hợp tác quốc tế***

- Để đáp ứng các yêu cầu khách quan:
  - Khắc phục tính bất ổn của môi trường kinh tế toàn cầu.
  - Khắc phục, hạn chế các tác động ngoại lai.
  - Đảm bảo sự ổn định về an ninh chính trị để phát triển kinh tế - xã hội.
  - Giảm thiểu sự bất bình đẳng (tăng cường hợp tác Bắc – Nam và Nam – Nam).

37

## **Kết luận**

1. Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, môi trường kinh tế quốc tế phát triển nhanh chóng nhưng vô cùng phức tạp.
2. Trên cơ sở đó, có rất nhiều cơ hội phát triển được phân bố tương đối đồng đều giữa các nền kinh tế. Nhưng mặt trái cũng có không ít khó khăn, thách thức.

38

## Kết luận

3. Phương thức hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng đa dạng phong phú. Mục tiêu hợp tác được mở rộng toàn diện, bao gồm cả những lĩnh vực phi kinh tế.
4. Nắm vững bản chất của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế thời đại để điều chỉnh hoạt động của các chính thể kinh tế cho phù hợp là yêu cầu tất yếu khách quan.

39

## Câu hỏi thảo luận

1. Trình bày những đặc điểm cơ bản của môi trường kinh tế quốc tế hiện nay.
2. Phân tích tính hai mặt của môi trường kinh tế quốc tế trong thời đại mới.
3. Cho biết sự di chuyển nguồn lực kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa diễn ra theo qui luật nào ?

40

## Câu hỏi thảo luận

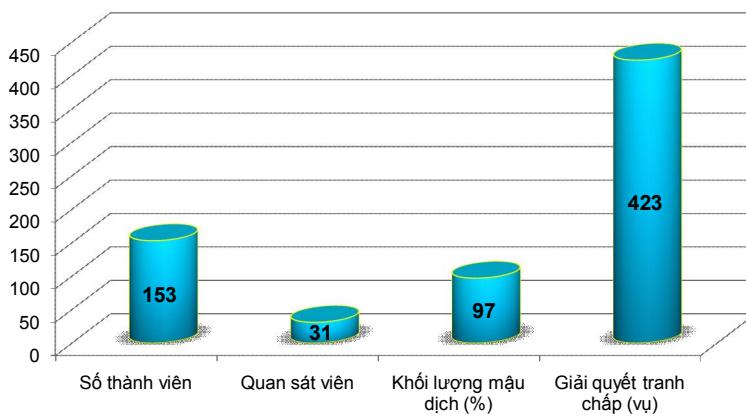
4. Tác động của sự di chuyển nguồn lực kinh tế quốc tế đang diễn ra thế nào ?
5. Dòng chảy nguồn lực kinh tế quốc tế hiện nay có những đặc điểm cơ bản gì ?
6. Phân tích các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại ngày nay.

41



## Phụ lục 1

### Tổ chức thương mại thế giới WTO, 2010

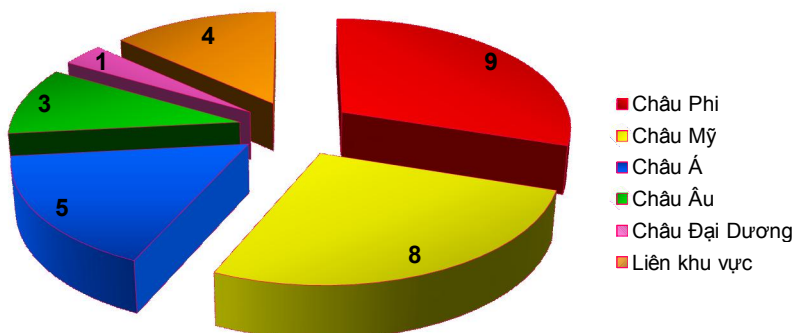


43

Nguồn: website <http://www.wto.org> tháng 03/2011.

## Phụ lục 1

### Phân bố 30 tổ chức thương mại khu vực, 2010

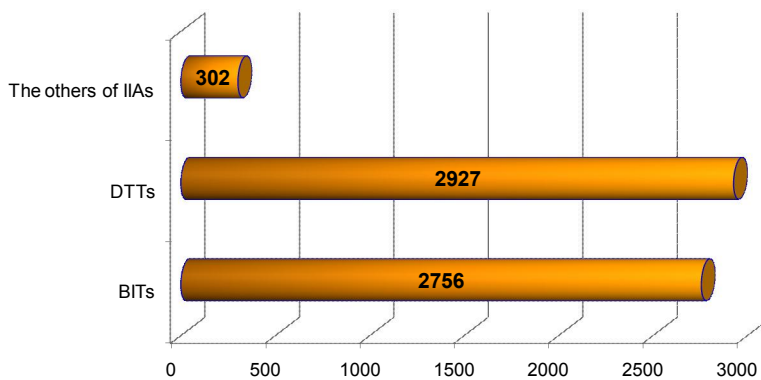


44

Nguồn: UNCTAD – The Handbook of Statistics, 2010.

## Phụ lục 1

### Số hiệp định song phương về đầu tư toàn cầu, 2010

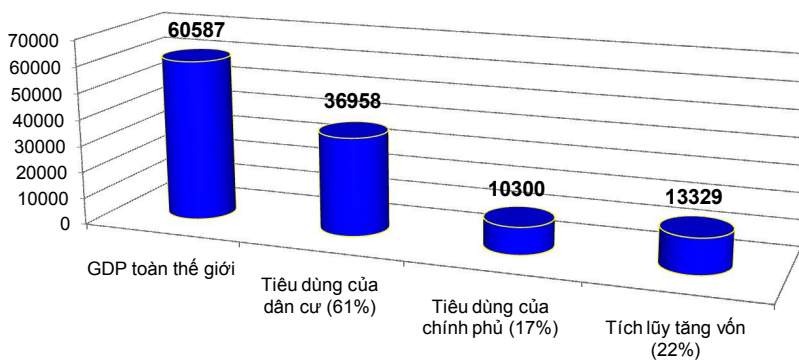


45

Nguồn: UNCTAD – World Investment Report, 2010. \*

## Phụ lục 2

### Cơ cấu phân phối GDP toàn thế giới, 2008

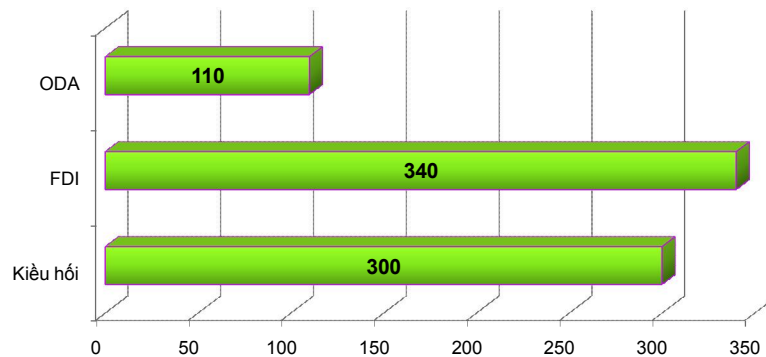


46

Nguồn: World Bank – World Development Report, 2010.

## Phụ lục 2

So sánh lượng kiều hối - FDI - ODA chảy vào các nước đang phát triển năm 2006 (tỷ USD)



*Nguồn: Báo cáo của Quỹ Phát triển nông nghiệp Quốc tế và Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ, 2007. \**

47

## Phụ lục 3

- ❑ Tỷ lệ quyền quyết nghị khi bỏ phiếu trong IMF:
  - Được quyết định theo qui mô GDP, các giao dịch tài khoản, dự trữ chính thức và một số yếu tố kinh tế khác của từng thành viên IMF.
  - Theo thông tin tại [www.imf.org](http://www.imf.org), Mỹ có tỉ lệ cao nhất (17%), kế đến là Nhật Bản (6,13%). Tỉ lệ của Trung Quốc là 2,94%, Mexico 1,2%, Hàn Quốc 0,76%, Thổ Nhĩ Kỳ 0,45%. Tỉ lệ của Việt Nam là 0,16%.
- ❑ Trong khi đó, mọi thành viên WTO đều có tỷ lệ quyền quyết nghị của lá phiếu ngang nhau. \*

48



## Phụ lục 4

Khủng hoảng tài chính – tiền tệ xảy ra liên tiếp đã dẫn đến khủng hoảng kinh tế toàn cầu:

- Khủng hoảng nợ Châu Mỹ Latin đầu 1980s.
- Khủng hoảng đồng Ruble Nga 1992 – 1995.
- Khủng hoảng tiền tệ của Mexico năm 1995.
- Khủng hoảng tài chính Đông Á 1997 – 1999.
- Khủng hoảng tài chính của Nga năm 1998.

49

## Phụ lục 4

Khủng hoảng tài chính – tiền tệ xảy ra liên tiếp đã dẫn đến khủng hoảng kinh tế toàn cầu:

- Khủng hoảng nợ của Argentina 1999 – 2002.
- Khủng hoảng tài chính của Mỹ năm 2008 đã lan nhanh trên thế giới và dẫn đến khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 – 2009.
- Khủng hoảng nợ của Hy Lạp năm 2010 đang lan ra nhiều nước Tây Âu...

50

## Phụ lục 4

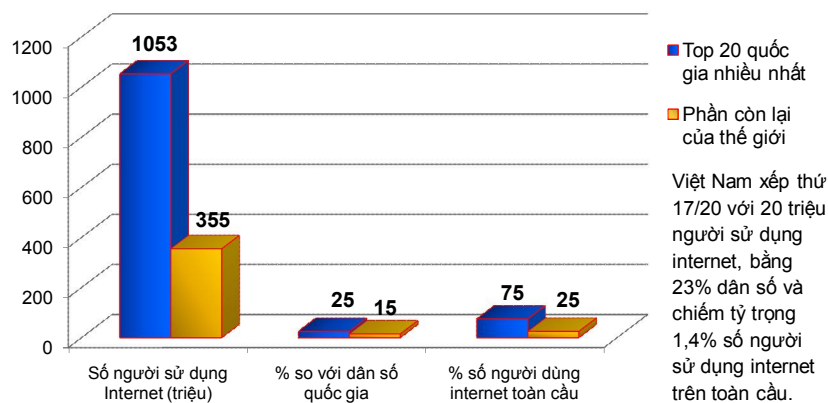
- ❑ Đầu thế kỷ XX diện tích rừng thế giới là 6 tỷ ha, đến năm 2005 còn chưa tới 3,5 tỷ ha, giảm 2,5 tỷ ha sau 100 năm.
- ❑ Tính từ năm 1990 đến 2005, diện tích rừng toàn cầu đã giảm 3%. Trung bình mỗi ngày mất đi 20.000 ha, 47% số đó diễn ra ở Brazil và Sudan.
- ❑ Hiện nay, nạn phá rừng đã tạo ra tới 20% lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, tương đương khoảng 650 triệu tấn khí CO<sub>2</sub> mỗi năm.

51

*Nguồn: Viện nghiên cứu kinh tế Ifo ở Munich, Đức công bố ngày 19/01/2010. \**

## Phụ lục 5

### Số người sử dụng internet toàn cầu, 2008

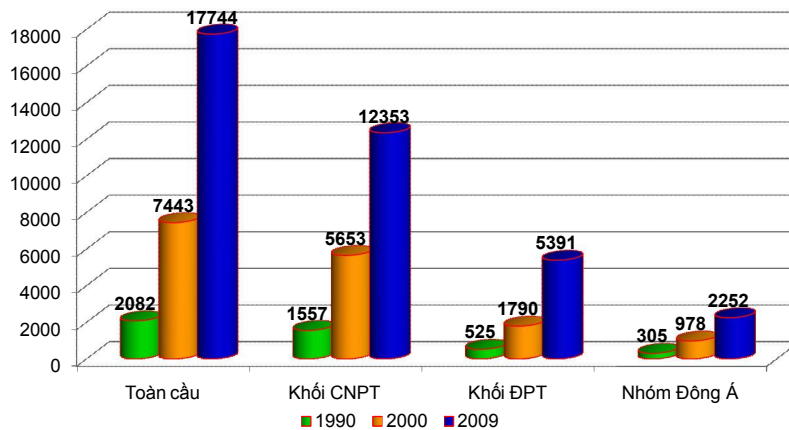


52

*Nguồn: Miniwatts Marketing Group, 2009. \**

## Phụ lục 6

Vốn FDI thu hút vào tích lũy, 1990 - 2009

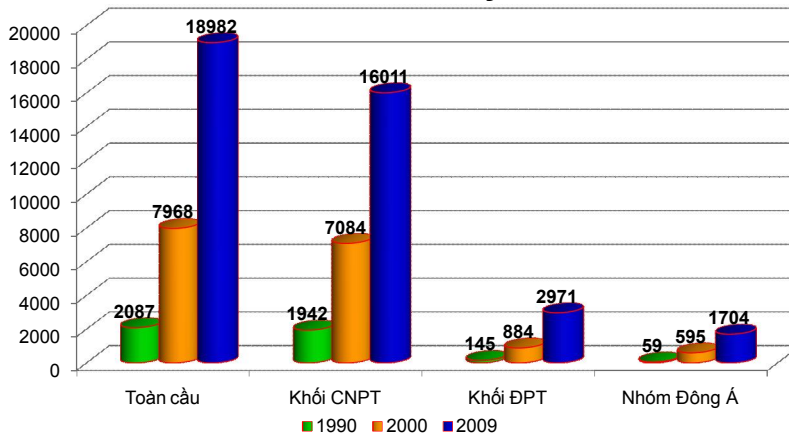


53

Nguồn: UNCTAD – World Investment Report, 2010.

## Phụ lục 6

Vốn FDI đầu tư ra tích lũy, 1990 - 2009



54

Nguồn: UNCTAD – World Investment Report, 2010. \*

## Phụ lục 7

Các chỉ tiêu tăng trưởng toàn cầu	Năm 2008 (tỷ USD)	Tỷ trọng năm 2008 (%)	1990 – 2008 (%/năm)
<b>1. GDP</b>	<b>60.587</b>	<b>100,0</b>	<b>6,2</b>
• Các nước CNPT	43.190	71,3	5,7
• Các nước ĐPT	17.397	28,7	8,0
<b>2. Xuất khẩu (FOB)</b>	<b>16.130</b>	<b>100,0</b>	<b>10,0</b>
• Các nước CNPT	11.060	68,6	8,9
• Các nước ĐPT	5.070	31,4	13,5
<b>3. Nhập khẩu (CIF)</b>	<b>16.300</b>	<b>100,0</b>	<b>9,8</b>
• Các nước CNPT	11.520	70,7	8,8
• Các nước ĐPT	4.780	29,3	13,3

*Ghi chú:* So kết quả năm 2008 với năm 1990, GDP tăng xấp xỉ 3 lần, xuất nhập khẩu tăng 5,5 lần.

*Nguồn:* World Bank – World Development Report, 1991 và 2010.

55

## Phụ lục 7

Các quốc gia mới nổi được phân nhóm như sau:

- BRIC** gồm: Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc.
- Next-11** (11 nước tiếp theo BRICs) gồm: Bangladesh, Ai Cập, Indonesia, Iran, Mexico, Nigeria, Pakistan, Philippines, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam.
- CIVETS** gồm: Colombia, Indonesia, Việt Nam, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ và Nam Phi.
- VISTA** gồm: Việt Nam, Indonesia, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và Argentina.

56

*Nguồn:* website <http://www.chinhphu.vn> tháng 02/2011. \*